

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4058/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 12 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 5042/QĐ-BNNMT ngày 26/11/2025 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 11504/TTr-SNNMT ngày 04/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 07 thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An.

Bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ tại số thứ tự 4, mục I Danh mục kèm theo Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Trồng trọt thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó CT UBND tỉnh (đ/c Đệ);
- Phó CVP UBND tỉnh (đ/c Thiên);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Th).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đệ

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP XÃ**

(Kèm theo Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

STT	Tên Thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cách thức tiếp nhận hồ sơ	Cơ quan/Tổ chức nộp/gửi hồ sơ ban đầu	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH					
I	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật					
1	Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	- Căn cứ điều kiện công bố dịch hại thực vật quy định tại Điều 4 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo tình hình thiệt hại, các số liệu chứng minh đủ điều kiện công bố dịch, đề xuất phạm vi công bố và giải pháp chống dịch. - Trong thời hạn 24h kể từ khi công bố dịch, Quyết định công bố dịch phải được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng từ Trung ương đến địa	Không quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Điều 17 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; - Điều 4, 5 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; - Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTVKH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.



STT	Tên Thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cách thức tiếp nhận hồ sơ	Cơ quan/Tổ chức nộp/gửi hồ sơ ban đầu	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		phương; Chính quyền địa phương phải thông báo cho chủ thực vật, tổ chức, cá nhân liên quan để biết, thực hiện				
2	Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Khi dịch hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì Chi cục Bảo vệ thực vật/ Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi người có thẩm quyền ký Quyết định công bố hết dịch, Quyết định phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin	Không quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Điều 19 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; - Điều 6 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; - Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTVKH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

STT	Tên Thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cách thức tiếp nhận hồ sơ	Cơ quan/Tổ chức nộp/gửi hồ sơ ban đầu	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		đại chúng của trung ương và địa phương				
II	Lĩnh vực Trồng trọt					
1	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, đề xuất của Chủ tịch UBND cấp xã và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường, ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 226/2025/NĐ-CP; thời gian ban hành trước ngày 30 tháng 11 năm trước của năm kế hoạch	Không quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; - Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.



STT	Tên Thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cách thức tiếp nhận hồ sơ	Cơ quan/Tổ chức nộp/gửi hồ sơ ban đầu	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh	- UBND tỉnh giao tham mưu danh mục cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn; - Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh ban hành danh mục loài cây trồng thuộc cây lâu năm được chứng nhận sở hữu trên địa bàn tỉnh; - Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) để tổng hợp	Không quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2016/TTLT BNNPTNT-BTNMT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu.

STT	Tên Thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cách thức tiếp nhận hồ sơ	Cơ quan/Tổ chức nộp/gửi hồ sơ ban đầu	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung	UBND tỉnh lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung phù hợp với quy hoạch	Không quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	Khoản 2 Điều 62 Luật Trồng trọt năm 2018.
4	Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa	UBND tỉnh xác định, công bố vùng và hướng dẫn áp dụng quy trình sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa	Không quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	Khoản 4 Điều 71 Luật Trồng trọt năm 2018.
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ					
I	Lĩnh vực Trồng trọt					
1	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn xã	Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ vào Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa đã được phê duyệt và nhu cầu chuyển đổi của người sử dụng đất trồng lúa, ban hành Kế hoạch	Không quy định	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; - Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính

STT	Tên Thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cách thức tiếp nhận hồ sơ	Cơ quan/Tổ chức nộp/gửi hồ sơ ban đầu	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn xã theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 226/2025/NĐ-CP; thời gian ban hành trước ngày 30 tháng 12 năm trước của năm kế hoạch.				phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.